

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62 /2023/HS-ST

Ngày: 26 - 5 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đính

Bà Lương Thị Thu An

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phước Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2023/HSST ngày 24 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HS ngày 10/5/2023 đối với bị cáo:

LƯU VIỆT BÌNH M, sinh năm 1992 tại Tây Ninh; HKTT: Tổ 8, khu phố 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: Tổ 5, ấp V, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Thế H và bà Nguyễn Thị G; Chồng: Lê Huỳnh P; Con: có 02 người, sinh năm 2010 và năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/12/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Nguyễn Duy Q, sinh năm 1979 và chị Lê Thị T1, sinh năm 1982; Cùng cư trú: Ấp 1, xã T2, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Vũ Thị Thu H1, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Khu phố 5, phường H2, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

+ Chị Nguyễn Thị Phương D1, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Khu phố 9, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

+ Anh Trần Văn T3, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Khu phố 1, phường H3, thị xã T4, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Việt Bình M với chị Lê Thị T1, sinh năm 1982 và chồng chị T1 là Nguyễn Duy Q, sinh năm 1979 cùng địa chỉ cư trú tại ấp 1, xã T2, huyện B, tỉnh Bình Dương quen biết nhau.

Khoảng tháng 4 năm 2021, M gọi điện thoại cho chị T1 nói có 01 thửa đất số 922, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: ấp 4, xã N, huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Bình Phước theo giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 015882, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03192 (thửa đất số 922) của chị Liền Viễn L chuyển nhượng với giá 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) nhưng M không đủ tiền nên rủ chị T1 cùng góp vốn để nhận chuyển nhượng. Sau khi M cùng anh Q đi xem thửa đất số 922 thì chị T1 và anh Q đồng ý góp vốn. Sau đó, chị T1 và anh Q đưa cho M số tiền 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng), thỏa thuận để M đứng ra nhận chuyển nhượng thửa đất số 922, nếu có lợi nhuận sẽ chia đôi hoặc tách thửa mỗi người một thửa đất. Sau đó, M đặt cọc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho chị Liền, đến ngày 01 tháng 6 năm 2021, M trả 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) cho chị Viễn để nhận chuyển nhượng bằng hình thức lập hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng Công chứng Gia Khang tại địa chỉ: khu phố Trung Lợi, thị trấn C, huyện C (nay là phường H2, thị xã C) đối với thửa đất số 922, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: ấp 4, xã Nha Bích, thị xã Chơn Thành theo giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 015882, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03192. M giữ hợp đồng ủy quyền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 922.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, M ký hợp đồng công chứng ủy quyền thửa đất số 922 cho chị Vũ Thị Hà để vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) sử dụng tiêu xài cá nhân. Đến ngày 11 tháng 10 năm 2021, M hủy bỏ hợp đồng ủy quyền thửa đất số 922 với chị Hà để ký hợp đồng công chứng ủy quyền thửa đất số 922 cho chị Nguyễn Thị Phương D1 vay 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). M trả 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) cho chị Hà, số tiền còn lại sử dụng vào mục đích cá nhân. Đến ngày 22 tháng 12 năm 2022, M chuyển nhượng thửa đất số 922 bằng hình thức hợp đồng công chứng ủy quyền cho anh Trần Văn T3 với số tiền là 870.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi triệu đồng). Sau đó, M trả 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) cho chị D1 và 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền lãi, trả 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho anh Bùi Minh H, số tiền còn lại M sử dụng mục đích cá nhân. M không nói cho chị T1 và anh Q biết các lần M ủy quyền cho chị Hà, chị D1 và anh T3.

Khoảng tháng 6 năm 2022, chị T1 và anh Q không thấy M đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 922 nên hỏi M thì M nói đang làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Đến khoảng cuối tháng 7 năm 2022, M lên mạng xã hội Facebook thì biết Tín (không rõ lý lịch) nhận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Sau đó, M gửi hình chứng M nhân dân của M, thông tin thửa đất số 922 cho Tín làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 922 với giá 2.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để lừa dối chị T1 và anh Q. Sau khi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Tín đến xã Thanh Phú, thị xã Bình Long giao cho M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thửa đất số 922 và lấy 2.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, M đưa cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Gái giữ dùm và không nói cho bà G biết đó là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

Đến ngày 14 tháng 9 năm 2022, chị T1 đến nhà của M hỏi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 922 thì M nói bà G lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của thửa đất số 922 đưa cho chị T1. Do thửa đất 922 không có diện tích đất ở đô thị, nên chị T1

nói M biết chị T1 giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *giả* thửa đất số 922 để kiểm tra có chuyển đổi đất ở đô thị và tách ra làm 02 thửa hay không thì M đồng ý. Ngày 16 tháng 9 năm 2022, chị T1 đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 922 giả đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Chơn Thành (nay là thị xã Chơn Thành) để hỏi thủ tục chuyển đổi đất ở đô thị và tách thửa đối với thửa đất số 922. Nhân viên của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Chơn Thành kiểm tra nghi vấn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là giả. Ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị T1 đưa đến, nhân viên Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Chơn Thành còn giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 990508, thửa đất số 791, tờ bản đồ số 12, diện tích 516,5m², địa chỉ: ấp 2, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước của ông Trần Thanh N2, sinh năm 1983; chứng M nhân dân số: 285.042.693 và bà Huỳnh Thị Bích T5, sinh năm 1995; chứng M nhân dân số: 285.615.242 cùng cư trú tại ấp 2, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành (nay là thị xã Chơn Thành) đứng tên chủ sở hữu, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS03740 nghi vấn giả do 01 thanh niên (không xác định được nhân thân) đưa đến nộp để kiểm tra thông tin quy hoạch. Sau đó, nhân viên của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Chơn Thành đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chơn Thành (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra thị xã Chơn Thành) trình báo và giao nộp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên.

Kết luận giám định số: 73/KL(TL)-KTHS ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: 02 “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” gửi giám định là giả; hình dấu tròn nội dung “CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM * TỈNH BÌNH PHƯỚC * SỔ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên tài liệu cần giám định không phải do con dấu có hình dấu mẫu trên tài liệu so sánh gửi giám định đóng ra.

Về trách nhiệm dân sự:

Vợ chồng chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Duy Q yêu cầu bị cáo Lưu Việt Bình M bồi thường 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) mà M đã chiếm đoạt.

Về vật chứng:

- Cơ quan Điều tra tạm giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giả) gồm: giấy số BM 015882, thửa đất số 922, tờ bản đồ số 3, diện tích 1013,6m², địa chỉ: ấp 4, xã N, huyện C (nay là thị xã Chơn Thành) đứng tên Lưu Việt Bình M, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS03192 do ông Nguyễn Hữu T2 ký ngày 22 tháng 7 năm 2022.

- Sổ CV 990508, thửa đất số 791, tờ bản đồ số 12, diện tích 516,5m², địa chỉ: ấp 2, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành (nay là thị xã Chơn Thành), tỉnh Bình Phước đứng tên ông Trần Thanh N2, sinh năm 1983 và bà Huỳnh Thị Bích T5, sinh năm 1995.

Bản cáo trạng số 66/Ctr-VKS ngày 24/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Lưu Việt Bình M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lưu Việt Bình M tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”; đối với hành vi chiếm đoạt số tiền 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) của người bị hại, đại diện Viện kiểm sát kết luận về tội danh nhẹ hơn và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lưu Việt Bình M phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Đề nghị áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lưu Việt Bình M mức án từ 05 đến 06 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lưu Việt Bình M mức án 06 đến 09 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”; và tổng hợp hình phạt chung theo quy định.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố. Bị cáo không tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các lời khai của bị hại, của người làm chứng, phù hợp kết luận giám định số 73/KL-KTHS ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Lưu Việt Bình M với vợ chồng chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Duy Q quen biết nhau. Sau khi làm thủ tục chuyển nhượng và đứng tên quyền sử dụng đất thửa đất số 922 tại ấp 4, xã Nha Bích, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước của chị Liêng Viễn L mà M và chị T1, anh Q mỗi bên góp 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Sau khi nhận ủy quyền từ chị Liêng, M đã 03 lần ủy quyền cho người khác lấy 870.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi triệu đồng) nhưng không thông báo cho chị T1, anh Q biết. Do sợ chị T1, anh Q biết và cũng không có tiền để trả lại 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) cho chị T1, anh Q; M đã đặt làm giả một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 922 đưa cho chị T1. Ngày 16 tháng 9 năm 2022, chị T1 đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 922 mà mẹ ruột của M là bà Nguyễn Thị Gái đưa, đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Chơn Thành kiểm tra thì phát hiện là giả.

Hành vi nhận số tiền 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) của chị T1, anh Q sau đó làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nhằm chiếm đoạt số tiền này mà M đã thực hiện là đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước và ý kiến thay đổi tội danh nhẹ hơn tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lưu Việt Bình M theo quy định tại điểm a khoản

3 Điều 175 và khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định tại Điều 319 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân và trật tự quản lý hành chính Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp; bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3]. Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân chưa tiền án, tiền sự; bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại nhưng không đáng kể; hơn nữa không phải bị cáo trực tiếp bồi thường, mà khoản tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) do bị hại yêu cầu khấu trừ vào số tiền mà bị cáo và bị hại góp chung để làm ăn trước đó, nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, mà chỉ được hưởng theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hiện bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Từ phân tích trên, để có tác dụng giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt nghiêm khắc với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, như ở mức khởi điểm mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với từng tội, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại Điều 175 và 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Vợ chồng chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Duy Q yêu cầu bị cáo Lưu Việt Bình M bồi thường 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) mà M đã chiếm đoạt, trong đó hai bên đã thỏa thuận khấu trừ 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Bị cáo M đồng ý bồi thường số tiền còn lại là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận.

[6]. Về vật chứng:

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BM 015882, thửa đất số 922, tờ bản đồ số 3, diện tích 1013,6m², địa chỉ: ấp 4, xã N, huyện C (nay là thị xã Chơn Thành) đứng tên Lưu Việt Bình M, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS03192 do ông Nguyễn Hữu T2 ký ngày 22 tháng 7 năm 2022 lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 990508, thửa đất số 791, tờ bản đồ số 12, diện tích 516,5m², địa chỉ: ấp 2, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành (nay là thị xã Chơn Thành), tỉnh Bình Phước của ông Trần Thanh N2, sinh năm 1983 và bà Huỳnh Thị Bích T5, sinh năm 1995; cùng nơi cư trú tại ấp 2, xã Minh Lập, thị xã Chơn Thành đứng tên chủ sở hữu, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS03740, do ông Phạm Phú Hồng ký ngày 30 tháng 7 năm 2020, Cơ quan điều tra Công an thị xã Chơn Thành tiếp tục lưu giữ phục vụ công tác xác M.

[7]. Các vấn đề khác của vụ án:

Đối với bà Nguyễn Thị Gái là mẹ của Lưu Việt Bình M không biết M chiếm đoạt 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lừa dối chị T1 và anh Q nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với Tín: theo lời trình bày của M thì Tín đã làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 015882, thửa đất số 922, tờ bản đồ số 3, diện tích 1013,6m², địa chỉ: ấp 4, xã N, huyện C (nay là thị xã Chơn Thành) của Lưu Việt Bình M đứng tên chủ sở hữu, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS03192. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của M thì không có tài liệu nào khác xác định lý lịch của Tín nên không có cơ sở xác M xử lý.

[8]. Án phí hình sự và dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ Điều 319 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Lưu Việt Bình M phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lưu Việt Bình M 05 (năm) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lưu Việt Bình M 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Lưu Việt Bình M phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Công nhận sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bị cáo Lưu Việt Bình M phải bồi thường cho bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Duy Q số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BM 015882, thửa đất số 922, tờ bản đồ số 3, diện tích 1013,6m², địa chỉ: ấp 4, xã N, huyện C (nay là thị xã Chơn Thành) đứng tên Lưu Việt Bình M, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS03192 do ông Nguyễn Hữu T2 ký ngày 22 tháng 7 năm 2022.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lưu Việt Bình M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- CCTHADS thị xã Chơn Thành;
- CA thị xã Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT
XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa
phiên tòa**

Nguyễn Đình Loan